TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16-10-2018
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quốc Trung.

Ông Dương Thanh Hải.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2018/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 55/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trang Văn Tr, sinh năm 1962; cư trú tại ấp Ô, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; cư trú tại ấp Ô, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2018 của ông Trang Văn Tr và quá trình tố tụng tại Tòa án ông Tr trình bày: Ông và chị Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn vào năm 2003, không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất

đồng quan điểm, lối sống dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc nên ông yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung có hai người tên Trang Thị Huỳnh Ng đang ở với chị T và Trang Đăng Kh đang ở với ông; sau khi ly hôn ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần con chung.

Về tài sản ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do và không có ý kiến phản hồi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của ông Trang Văn Tr được Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt chị T.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Trang Văn Tr và chị Nguyễn Thị T được xác lập vào năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn là chưa đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết. Do quan hệ hôn nhân giữa ông Tr và chị T không đăng ký theo quy định của pháp luật, căn cứ Điều 53 và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông Tr và chị T là vợ chồng.

[4] Về nuôi con chung: Con chung của ông Tr và chị T có hai người, sau khi ly hôn đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết trong cùng vụ án.

[6] Về án phí: Ông Trang Văn Tr là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên ông Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định. Tuy nhiên, ông Tr thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên ông Tr được miễn phần án phí theo

quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T.

Về hôn nhân: Không công nhận ông Trang Văn Tr và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Không đặt ra xem xét do đương sự không yêu cầu.

Về chia tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch ông Trang Văn Tr được miễn nên ông Tr không phải nộp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Hải